

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/3/2021

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Thương

2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Yến - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2021/ TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H , sinh năm 1983

Địa chỉ: SN ... NC, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1980

Địa chỉ: SN ... NC, phường NN, thành phố TH, tỉnh TH

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/11/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh D nghiện ma túy, chị và gia đình đã khuyên can góp ý nhiều lần và cho anh D nhiều cơ hội để sửa chữa lỗi lầm nhưng anh D không thay đổi mà còn nhiều lần chửi bới, đe dọa chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2020, chấm dứt quan hệ về tình cảm và kinh tế.

Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn D .

*Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đức H , sinh ngày 06/7/2002; Nguyễn Bảo A , sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Yến V , sinh ngày 23/9/2014 chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng Bảo A và Yến V , không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu Đức H đã thành niên, phát triển bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về phía bị đơn Nguyễn Văn D :* Tại Tòa án, anh D khai vợ chồng kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và có 3 đứa con chung. Từ năm 2020 vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên anh D không hoàn thành bản tự khai và bỏ về, không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng anh D không đến làm bản tự khai.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2021 cháu Bảo A có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn

Kết quả xác minh tại địa phương phường .... xác định: Thời gian gần đây chị H và anh D có mâu thuẫn và không sống cùng nhau. Chị H và các con ở riêng, anh D sống cùng bố mẹ đẻ anh D . Nguyên nhân mâu thuẫn địa phương không biết vì anh chị không báo cáo; Về con chung: Anh chị có 03 con chung hiện tại đang sống cùng chị H ; Anh D hiện tại không có công ăn việc làm.

Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/3/2021, anh D không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Về phía chị H , chị kiên quyết xin được ly hôn anh D và xin được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

*Tại phiên tòa hôm nay,* chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định mâu thuẫn giữa chị với anh D thực sự trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh D nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh D ; Về con chung chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng Bảo A và Yến V , không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Cháu Đức H đã thành niên, phát triển bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D có mặt tại phiên tòa. Về hôn nhân: Anh D đồng ý ly hôn với chị H ; Về con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, hiện tại anh không có công việc, không có thu nhập nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Ý kiến của đại diện VKS:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của chị H kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định, anh D chưa tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Xử công nhận chị H và anh D thuận tình ly hôn; Về con chung giao cháu Bảo A và Yến V cho chị H nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:*

*[1] Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Nam Ngạn, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 - BLTTDS.

*[2] Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2003, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 6/2020. Nay chị H xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh D nên chị giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Anh D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã thực sự trầm trọng, chị H xin ly hôn là có cơ sở, tại phiên tòa anh chị thỏa thuận ly hôn là tự nguyện. HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

*[3] Về con chung:* Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D có 03 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 06/7/2002; Nguyễn Bảo A, sinh Ngày 17/02/2012 và Nguyễn Yến V, sinh ngày 23/9/2014. Nguyên vọng của chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng Bảo A và Yến V, không yêu cầu anh D cấp dưỡng; Cháu Đức H đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, anh D hiện tại không có công việc, không có thu nhập để nuôi con; Từ khi vợ chồng sống ly thân các con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên vọng của chị H là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng, không trái quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con. Vì vậy, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là đúng với quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

*[4] Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

*[5] Về án phí:* Chị Lê Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 6; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

***Áp dụng:*** Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

*Về hôn nhân:* Xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D

*Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Bảo A , sinh ngày 17/02/2012 và Nguyễn Yến V , sinh ngày 23/9/2014 là con chung của chị H anh D cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H . Cháu Nguyễn Đức H đã thành niên HĐXX không xét.

Anh Nguyễn Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

*Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Lê Thị H , anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001831 ngày 30/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị H đã nộp đủ án phí.

*Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị H , anh Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND P.Nam Ngạn, TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Nga**